

## NÔNG THÔN VÀ XÃ HỘI HỌC NÔNG THÔN Ở PHÁP

MARCELJOLLIVET

Như những nước Châu Âu khác, Pháp vừa là một nước nông dân lâu đời, vừa là một trong những nước tư bản già cỗi nhất. Nước Pháp ngày nay có nét đặc thù là một trong những nước công nghiệp phát triển mà ở đó nông nghiệp vẫn có tầm quan trọng kinh tế to lớn (thực tế nó là một nước xuất khẩu nông sản thứ hai). Chủ nghĩa tư bản Pháp từ lâu vốn là chủ nghĩa tư bản tài chính hơn là tư bản công nghiệp. Hình thức chủ nghĩa tư bản tài chính này dựa một phần lớn vào tiền tiết kiệm của nông dân. Điều này giải thích vì sao cho tới tận cuối thế chiến thứ hai, nền nông nghiệp Pháp vẫn còn ít được cơ giới hóa và chủ yếu vẫn là một nền nông nghiệp dựa vào sức lao động. Lực lượng lao động nông nghiệp, cho đến nay, vẫn còn chiếm một tỷ lệ cao trong tổng số lao động toàn nước Pháp (khoảng 8% năm 1981). Dân số nông thôn Pháp cũng chiếm ưu thế thống trị trong quan hệ với dân số đô thị, hơn hẳn bất cứ quốc gia châu Âu nào khác. Điểm cuối cùng là nền nông nghiệp Pháp hiện thời dường như vẫn là một nền nông nghiệp thuần túy gia đình: nếu như cho tới năm 1945, người nông dân vẫn ít chịu mua sắm máy móc, thì đó là bởi vì họ dành tiền tiết kiệm của mình chủ yếu cho việc mua ruộng đất.

Tới thế kỷ XIX, sự phát triển của doanh nghiệp gia đình (đi liền với sự phát triển công nghiệp) đã làm cho người nông dân tiểu nông khó có thể sống bằng mảnh đất của mình phải biến mất. Doanh nghiệp gia đình đã được củng cố vào thời điểm của những cuộc khủng hoảng kinh tế làm cho các điền chủ lớn phải khốn khổ: khủng hoảng cuối thế kỷ XIX, thế chiến thứ nhất, khủng hoảng năm 1929. Doanh nghiệp gia đình còn dẫn dắt công cuộc hiện đại hóa nền nông nghiệp đi tới thành công bắt đầu từ 1945 và nhất là những năm từ 1960 tới 1970, là mười năm mở mang công nghiệp nhanh chóng. Ngày nay, trong phần lớn các trường hợp, người trồng trọt là chủ sở hữu những mảnh đất của họ hay cho các thành viên trong gia đình mình thuê một phần. Bình quân diện tích của các doanh nghiệp vào khoảng 30 ha. Có khoảng trên 9/10 các doanh nghiệp không hề thuê lao động trả lương thường xuyên. Đầu thế kỷ XX, có trên 3.300.000 công nhân nông nghiệp, hiện nay số này là 191.000. Người ta thấy rằng nước Pháp chẳng có gì giống với lược đồ của một nền nông nghiệp tư bản, dựa trên những doanh nghiệp lớn với những công nhân nông nghiệp. Hiện nay nước Pháp có 1.200.000 doanh nghiệp, gần 2,5 triệu chủ doanh nghiệp và các lao động gia đình.

Về thế giới nông thôn, đó là 14.460.000 người (bằng 26,7% tổng dân cư nước Pháp) được phân bố trên 31.620 công xã (86,5% tổng số các công xã Pháp). Những con số này ít nhiều cho thấy vị trí quan trọng của nông thôn trong không gian, trong đời sống hành chính, và cả trong đời sống xã hội của nước Pháp. Nhiệm vụ đặt ra cho xã hội học nông thôn phải giải quyết là nghiên cứu những vấn đề nảy sinh từ sự có mặt đông đảo của một tầng lớp nông dân gia đình trong một xã hội tư bản phát triển. Sự phân tích thế giới nông thôn, cho dù động chạm tới những phạm trù xã hội phi nông nghiệp, cho tới hiện nay vẫn phụ thuộc phần lớn vào những vấn đề nông nghiệp, do tầm vóc của nông nghiệp trong thế giới nông thôn. Điều này, người ta sẽ thấy là nó đang trên đà thay đổi.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bộ máy sản xuất Pháp được xây dựng lại hoàn toàn và được hiện đại hoá. Sự xuất hiện của máy kéo dẫn đến sự đổi mới và mở rộng những xưởng máy kéo. Các máy gặt đập cũng nối tiếp nhau ra đời rất nhanh chóng. Sự chia lại đất đai trở nên cần thiết. Máy vắt sữa rời phòng vắt sữa được phổ biến ở những người chăn nuôi Phân bón, những sản phẩm hóa học của việc xử lý cây trồng, sự chọn giống, thụ tinh nhân tạo, hoàn chỉnh toàn bộ bức tranh của một mô hình kỹ thuật mới đối với những doanh nghiệp gia đình được phổ cập và đồng thời thích nghi với chúng.

Tất cả những biến đổi này trước hết liên quan đến công việc của những nhà nông học và những nhà kỹ thuật là những người cương quyết đề cao chúng, Nhưng là biểu trưng của sự hiện đại mô hình kỹ thuật này cũng đã

được xây dựng trong chuẩn mực xã hội, trong một xã hội đầy biến động tư tưởng. Những người nông dân chậm thích nghi với nó bị coi là hủ lậu và do đó bị lên án. Người ta hy vọng là xã hội học sẽ đem lại những công cụ cho phép thúc đẩy sự thích nghi đối với kỹ thuật mới. Một môn xã hội học về đổi mới nông nghiệp chịu ảnh hưởng của tâm lý xã hội học Mỹ được phát triển ở Pháp cũng như trên toàn châu Âu. Nó dựa trên lý thuyết về những người lãnh đạo và về sự truyền bá theo "vết dầu loang" của những cách tân thông qua ảnh hưởng của những người lãnh đạo.

Nhưng các nghiên cứu xã hội học về sự cách tân cũng cho thấy cách lao động truyền thống của người nông dân, mà người ta thường coi là cổ hủ và phi lý, cũng có lý do tồn tại riêng của chúng, tính hợp lý bản năng của chúng, và chúng cũng phù hợp với cả hoàn cảnh vật chất của những người nông dân lẫn tổng thể những biểu tượng xã hội của họ. Những phân tích này được làm sáng tỏ bởi sự quy chiếu vào ngành dân tộc học Pháp và vào nhân chủng học Anglô-xác-xông. Chúng dẫn tới sự tương đối hóa khái niệm *tiến bộ*, nhằm làm sáng tỏ những khía cạnh tư tưởng và tìm kiếm các lực lượng xã hội phục vụ cho nó và kiếm lợi ở nó. Lý luận mácxít về tích lũy tư bản dường như đã đưa ra những con đường rất sáng sủa cho việc nhận thức những vấn đề này, nhưng với điều kiện phải gạt ra khỏi bản thân nó những khía cạnh ý thức hệ.

Dựa trên những lực lượng xã hội thật cụ thể, mô hình kỹ thuật này tìm thấy cái hình thái xã hội đã hoàn chỉnh của nó từ cuối những năm 1950. Từ đó nó có được một chỗ dựa chế độ của nhà nước và trở thành mô hình thống trị của sự phát triển. Nhưng cuộc tổng khủng hoảng tàn phá nền kinh tế Pháp, từ cuối những năm 1900, đã đòi phải xét lại mô hình này vì cái giá đắt của nó. Việc nghiên cứu những hệ thống kỹ thuật ít chuyên môn hóa hơn phải được đề cao. Sự tiến triển này khẳng định sự tồn tại mối liên hệ chặt chẽ giữa mô hình kỹ thuật của sự phát triển nông nghiệp và quá trình tích lũy tư bản. Nó làm sáng tỏ đặc trưng ý thức hệ của mô hình kỹ thuật. Các nghiên cứu xã hội học hiện thời đang cố gắng soi sáng những điểm khác nhau, thông qua việc phân tích sự nảy sinh của mô hình đó và của những lực lượng xã hội bảo vệ nó, cũng như những điều kiện mà ở đó cuộc khủng hoảng mà nó trải qua sẽ được giải quyết.

Chiều kinh tế của các doanh nghiệp nông nghiệp đã thể hiện rộng rãi đằng sau những khía cạnh kỹ thuật của các hệ thống sản xuất. Sự cầu viện đến những sản phẩm công nghiệp (như các máy móc) đã đưa vào trong doanh nghiệp nông nghiệp một logic kinh tế với logic truyền thống mang nặng tính tự cung tự cấp. Nếu phải mua, thì phải bán. Để bán được, phải cạnh tranh, tức là phải sản xuất với giá rẻ nhất. Điều đó đòi hỏi sự phát triển có hiệu quả các nhân tố sản xuất và lao động. Những ràng buộc kinh tế ấy đóng một vai trò nền tảng trong sự phát triển các kỹ thuật sản xuất mới. Nhà xã hội học không thể bỏ qua những điều đó. Tuy nhiên, trước hết là các nhà kinh tế phải phân tích chúng và theo dõi sự tiến triển của chúng.

Xung quanh những vấn đề này, có hai hướng đã được các nhà xã hội học làm sáng tỏ hơn.

*Hướng thứ nhất* nhằm vào những thái độ và những biểu tượng là cơ sở cho các hành vi kinh tế của những người làm nghề nông. Việc sử dụng những kỹ thuật mới đồng thời gia đình và kéo theo sự biến đổi triệt để của các biểu tượng về tiền bạc, về đất đai, về công cụ, về lao động, về sản phẩm... Sự biến đổi này đã được phân tích một cách phong phú. Các nghiên cứu đã làm sáng tỏ những mối liên hệ chặt chẽ giữa các biểu tượng ấy và những biểu tượng bao trùm hơn, chi phối cả những hành vi tôn giáo hay chính trị. Khái niệm hệ *thống giá trị* đã được nêu ra để giải trình các quan hệ này và tính năng động của chúng. Khái niệm ấy có sự bất tiện là nó gồm nhập cả những mâu thuẫn đang *tồn tại* phổ biến giữa các giá trị. Tuy nhiên, những nghiên cứu này ít ra cũng có công lao là mở ra con đường đi tới khám phá ý nghĩa và sự thể hiện của biến đổi kỹ thuật.

*Hướng nghiên cứu thứ hai* thuộc cái mà người ta gọi là "môn xã hội học kinh tế" của doanh nghiệp nông nghiệp được định vị ngược chiều với môn kinh tế vi mô có thể tính đếm và mang tính chuẩn mực, mặt kinh tế của mô hình kỹ thuật mà sự khởi hành của nó được bắt đầu từ những năm 1950. Môn kinh tế vi mô này đã được xem xét việc quản lý doanh nghiệp nông nghiệp như một công cụ. Trên thực tế, nó thể hiện sự phục tùng một con tính kinh tế trừu tượng, hoặc bị tách khỏi mối liên hệ với những biến động hiện thực hoặc gắn liền chúng với môi trường kinh tế, cũng như những điều kiện hiện thực mà ở đó những người làm nghề nông đưa ra các

quyết định. Một cách tiếp cận xã hội học khác về sự vận hành của các doanh nghiệp quan tâm hơn tới sự phân biệt những biến động tùy theo chỗ chúng có tạo ra hay không một đối tượng về tiền tệ, nhằm xem xét mối liên hệ doanh nghiệp - gia đình, nhằm khu biệt những biến động tương ứng với kinh tế gia đình hơn là với kinh tế sản xuất, và với việc quản lý di sản hơn là hạch toán. Tóm lại, nó tìm cách giải trình những thực tiễn và tìm ra những lôgic của chúng hơn là đánh giá thực tiễn bằng sự quy chiếu vào những biểu kỹ thuật và kinh tế lý tưởng. Để làm điều đó nó phân tích ngay chính doanh nghiệp nông nghiệp, sự vận hành của gia đình hẹp và của gia đình mở rộng, của nhóm láng giềng hay của các nhóm có sự giúp đỡ hay phụ thuộc lẫn nhau về nghề nghiệp. Nó xem xét các điều kiện xã hội học của sự tồn tại những doanh nghiệp nông nghiệp và những biến đổi của chúng.

Những doanh nghiệp nông nghiệp Pháp năm 1945 cũng như hiện nay chủ yếu là những doanh nghiệp gia đình. Điều này muốn nói rằng các doanh nghiệp được xem xét qua người chủ gia đình và các nhân công mà họ điều hoặc chủ yếu là người trong gia đình; các tư bản và những tư liệu sản xuất đều là di sản của gia đình. Được xây dựng thành mô hình xã hội, nó cũng mang tính chuẩn mực vào cuối những năm 1950, sự liên kết của một gia đình ấy và của một doanh nghiệp ấy đã phát triển rất mạnh, và sự tiến triển ấy nằm ở trung tâm của sự phân tích xã hội học. Nhóm gia đình tương ứng với một doanh nghiệp nông nghiệp đã thực sự rơi vào khủng hoảng một cách nhanh chóng. Các xung đột thế hệ trong những năm 1950, các đòi hỏi của con cái nhất là của những người ít tuổi ở vị trí kế vị cha họ trong những năm 1960. Các đòi hỏi của phụ nữ về vị trí của người cộng sự trong doanh nghiệp trong những năm 1970. Những xung đột này biểu hiện cuộc khủng hoảng đã phổ biến của mối liên hệ gia đình như là quan hệ sản xuất trong hệ thống tư bản. Sự giảm mức Bình và việc những người ít tuổi đi ra thành phố đã làm giảm bớt số người kế tục, đặc biệt là sự ra đi của các cô gái trẻ đã kéo theo tình trạng sống độc thân của nam giới. Những bố mẹ già bị buộc phải rời khỏi hoạt động của mình và ngày càng về hưu đông hơn. Ngày nay, nhiều ông chủ doanh nghiệp đã cao tuổi và không có người kế vị. Những người vợ của họ phần lớn là những người làm công ăn lương ngoài nông nghiệp. Đa số các ông chủ doanh nghiệp chỉ hoạt động nông nghiệp một phần thời gian. Nhìn chung, nếu doanh nghiệp nông nghiệp vẫn là gia đình, thì trong một số lớn các trường hợp, nó không còn giống tí nào với các doanh nghiệp những năm 1960, và những biến đổi ấy làm thay đổi hoàn toàn sự vận hành và những cơ hội tự tái tạo của nó trước thế hệ hiện tại. Nó cũng làm thay đổi triệt để lối sống của những người làm nghề nông ở một trong những yếu tố cấu thành căn bản của nó. Điều này không có nghĩa là các quan hệ gia đình không còn bất cứ vai trò nào trong sự tồn tại lẫn trong sự vận hành của doanh nghiệp nông nghiệp. Sự chuyển nhượng đất đai chẳng hạn thường được thực hiện chủ yếu bởi con đường thừa kế.

Năm 1945, các gia đình doanh nghiệp vẫn còn tham gia vào trong mạng lưới xã hội đôi khi rất đậm đặc tới mức ngạt thở của làng xã nơi họ sống và các làng xã xung quanh. Cái thế giới bé nhỏ khép kín, chịu đựng những đối kháng ngầm ngấm, các nhóm hiểu biết lẫn nhau này cũng đem lại những chỗ dựa: sự tương trợ các công việc tập thể như đập lúa, sử dụng đất công, công việc quan trọng nhất với những nông dân nhỏ. Hơn nữa, mạng lưới hoạt động như là nhóm điều hành, đời sống của làng xã phần lớn được hình thành trên những quan hệ giữa các gia đình nông dân và gắn liền với nhịp điệu của hoạt động. Đó là những gì mà cuộc nghiên cứu về sự truyền bá những cách tân trong nông nghiệp đã chỉ ra. Những người làm nghề nông trẻ đã làm chủ sự phát triển nông nghiệp từ những năm 1950 đã thực sự thực hiện điều đó khi xem xét lại các cơ chế ấy và những quan hệ xã hội làm giá đỡ cho chúng. Họ cũng bị tách khỏi những nhóm địa phương và đã tạo ra những hệ thống quan hệ nghề nghiệp riêng biệt ở cấp độ vùng vi mô và quốc gia. Những điều kiện trong đó các doanh nghiệp có thể hoạt động và tự tái tạo cũng như bị biến đổi hoàn toàn, trên thực tế đã và đang hoạt động trong một chiều hết sức lựa chọn. Sự chọn lựa ấy, nói riêng, không có gì là kinh tế. Nó là kết quả của một hành vi tập thể của một số tầng lớp xã hội nhất định trong những người làm nghề nông. Nó giả định sự hình thành của một giáo lý một ngôn ngữ, và một mô hình phát triển nông nghiệp và sự thực hiện một "bộ may đồng khung" của những người làm nghề nông có thể dẫn tới áp đặt cho mọi người cái ý chí của một nhóm thiểu số.

Sự phân tích tỉ mỉ các quan hệ kinh tế giữa các tầng lớp xã hội khác nhau của nền nông nghiệp do đó chứa đựng toàn bộ tầm quan trọng của nó. Trong chừng mực nào, chúng chỉ là những quan hệ cạnh tranh giản đơn?

Phải chăng giữa chúng chỉ có những bất bình đẳng có thể quy trách nhiệm cho hệ thống kinh tế tổng thể? Trái lại, liệu có những quan hệ sản xuất tạo nên những chuyển đổi giá trị đích thực ngay trong nền nông nghiệp? Đó cũng là những câu hỏi trọng tâm của một môn xã hội học về các giai cấp xã hội. Không chỉ trong nông nghiệp, mà trong chính xã hội Pháp.

Lược dịch: QUANG HUY.

Nguồn: Trích chương 1 cuốn *Les champs de la sociologie française*, Armand Colin, Paris, 1988.